

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ..../2018/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

**Dự thảo 1**  
**(ngày 10/9/2018)**

## **THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày .../9/2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật quản lý thuế, Luật thuế giá trị gia tăng;*

*Căn cứ Luật kế toán ngày 20 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;*

*Căn cứ Luật công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2016;*

*Căn cứ Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày .../9/2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 07 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế,*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày 01/11/2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ như sau:*

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về sử dụng hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý thuế các cấp và

các cơ quan, tổ chức có liên quan đến việc quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ bao gồm:

- a) Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật các tổ chức tín dụng, Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Chứng khoán, Luật dầu khí và các văn bản quy phạm pháp luật khác dưới các hình thức: Công ty cổ phần; công ty trách nhiệm hữu hạn; công ty hợp danh; doanh nghiệp tư nhân;
- b) Đơn vị sự nghiệp công lập có bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ;
- c) Tổ chức được thành lập và hoạt động theo Luật hợp tác xã;
- d) Tổ chức khác;
- đ) Hộ, cá nhân kinh doanh.

2. Tổ chức, cá nhân mua hàng hóa, dịch vụ.

3. Tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử.

4. Cơ quan quản lý thuế các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng hóa đơn.

## **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Danh mục dùng chung là thông tin về tên loại hàng hóa, đơn vị tính, số lượng và các thông tin khác liên quan đến hoạt động bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ đã được mã hóa và chia thành các Danh mục theo nhóm do Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế ban hành, áp dụng trong các cơ sở kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử trên phạm vi toàn quốc.

2. XML là chữ viết tắt của cụm từ tiếng Anh "eXtensible Markup Language", có nghĩa là ngôn ngữ đánh dấu mở rộng, được tạo ra với mục đích chia sẻ dữ liệu điện tử giữa các hệ thống công nghệ thông tin khác nhau.

3. UTF-8 là định dạng chuyển đổi Unicode 8-bit.

#### **Điều 4. Nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử**

Nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 4 Chương I Nghị định số ..../2018/NĐ-CP ngày ..../9/2018 của Chính phủ.

#### **Điều 5. Loại hóa đơn điện tử**

Hóa đơn điện tử bao gồm các loại sau:

1. Hóa đơn giá trị gia tăng là hóa đơn áp dụng đối với người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ thực hiện khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ trong các hoạt động:

- *Bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ trong nội địa;*

- *Hoạt động vận tải quốc tế;*

- *Xuất vào khu phi thuế quan và các trường hợp được coi như xuất khẩu;*

Hóa đơn giá trị gia tăng trong trường hợp này bao gồm cả hóa đơn được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế.

2. Hóa đơn bán hàng là hóa đơn áp dụng đối với:

- *Người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ thực hiện khai thuế giá tăng theo phương pháp trực tiếp khi bán hàng hóa, dịch vụ trong nội địa, xuất vào khu phi thuế quan và các trường hợp được coi như xuất khẩu.*

- *Tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ vào nội địa và khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ giữa các tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan với nhau, trên hóa đơn ghi rõ "Dành cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan"*

Hóa đơn bán hàng trong trường hợp này bao gồm cả hóa đơn được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế.

3. Các loại hóa đơn khác, gồm: Tem điện tử, vé điện tử, thẻ điện tử, phiếu thu điện tử, phiếu xuất kho kiêm vận chuyển điện tử hoặc các chứng từ điện tử có tên gọi khác nhưng có nội dung quy định tại Điều ... Thông tư này.

#### **Điều 6. Nội dung của hóa đơn điện tử**

1. Hóa đơn điện tử có các nội dung sau:

a) *Tên hóa đơn,*

*Tên hóa đơn thể hiện trên mỗi tờ hóa đơn. Ví dụ: HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ*

## **GIA TĂNG, HÓA ĐƠN BÁN HÀNG...**

Trường hợp hóa đơn còn dùng như một chứng từ cụ thể cho công tác hạch toán kế toán hoặc bán hàng thì có thể đặt thêm tên khác kèm theo, nhưng phải ghi sau tên loại hóa đơn với cỡ chữ nhỏ hơn hoặc ghi trong ngoặc đơn. Ví dụ: HOA ĐƠN GIA TRỊ GIA TĂNG - PHIẾU BẢO HÀNH, HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (PHIẾU BẢO HÀNH), HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG - PHIẾU THU TIỀN, HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (PHIẾU THU TIỀN) ...

b) Ký hiệu mẫu số hóa đơn và ký hiệu hóa đơn.

Ký hiệu mẫu số hóa đơn là thông tin thể hiện ký hiệu tên loại hóa đơn, số liên, số thứ tự mẫu trong một loại hóa đơn (một loại hóa đơn có thể có nhiều mẫu).

Ký hiệu hóa đơn là dấu hiệu phân biệt hóa đơn bằng hệ thống chữ cái tiếng Việt và 02 chữ số cuối của năm.

c) Số hóa đơn điện tử

Số thứ tự của hóa đơn điện tử là số thứ tự theo dãy số tự nhiên trong ký hiệu hóa đơn.

Đối với hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thì số hóa đơn là dãy số có cấu trúc theo quy định của Tổng cục Thuế và được cấp bởi hệ thống cấp mã hóa đơn của Tổng cục Thuế.

Đối với hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế thì số hóa đơn được cấp bởi phần mềm lập hóa đơn điện tử của tổ chức kinh tế.

d) Tên, địa chỉ, mã số thuế của người bán

e) Tên, địa chỉ, mã số thuế của người mua (nếu người mua có mã số thuế);

Trường hợp người mua, người bán có mã số thuế thì người bán phải ghi đúng tiêu thức “mã số thuế” của người mua và người bán.

g) Tên, đơn vị tính, số lượng, đơn giá hàng hóa, dịch vụ; thành tiền chưa có thuế giá trị gia tăng, thuế suất thuế giá trị gia tăng, tổng số tiền thuế giá trị gia tăng theo từng loại thuế suất, tổng cộng tiền thuế giá trị gia tăng, tổng tiền thanh toán đã có thuế giá trị gia tăng trong trường hợp là hóa đơn giá trị gia tăng;

h) Tổng số tiền thanh toán (ghi cả bằng số và bằng chữ);

Đồng tiền ghi trên hóa đơn là đồng Việt Nam (VND).

Trường hợp người bán được bán hàng thu ngoại tệ theo quy định của pháp luật, tổng số tiền thanh toán được ghi bằng nguyên tệ, phần chữ ghi bằng tiếng Việt.

### Ví dụ: 10.000 USD - Mười nghìn đô la Mỹ.

Người bán đồng thời ghi trên hóa đơn tỷ giá ngoại tệ với đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế hoặc giao dịch bình quân của thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập hóa đơn.

Trường hợp ngoại tệ thu về là loại không có tỷ giá với đồng Việt Nam thì ghi tỷ giá chéo với một loại ngoại tệ được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tỷ giá.

i) Chữ ký số trong trường hợp người bán là tổ chức kinh tế hoặc chữ ký điện tử trong trường hợp người bán là hộ, cá nhân kinh doanh;

Người bán là tổ chức kinh tế sử dụng chữ ký số được ký bằng chứng thư số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng cấp hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận.

Người bán là hộ, cá nhân kinh doanh chưa được cấp chứng thư số thì sử dụng chữ ký điện tử hoặc mã xác thực giao dịch điện tử do hệ thống của cơ quan thuế hoặc hệ thống của các cơ quan có liên quan đến giao dịch điện tử cấp để ký trên hóa đơn.

k) Thời điểm lập hóa đơn điện tử. Ngày, tháng, năm lập hóa đơn điện tử ghi bằng số và ghi theo dạng DD/MM/YY (trong đó DD là ngày; MM là tháng; YYYY là năm);

l) Mã của cơ quan thuế đối với hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế.

m) Phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và nội dung khác có liên quan (nếu có).

### 2. Chữ viết và chữ số trên hóa đơn điện tử

a) Chữ viết sử dụng trên hóa đơn điện tử là tiếng Việt. Trường hợp phải sử dụng tiếng nước ngoài trên chứng từ kê toán, sổ kê toán và báo cáo tài chính tại Việt Nam thì phải sử dụng dòng thời tiếng Việt và tiếng nước ngoài.

b) Chữ số sử dụng trong kê toán là chữ số A-rập: ٠, ١, ٢, ٣, ٤, ٥, ٦, ٧, ٨, ٩, sau chữ số hàng nghìn, hàng triệu, hàng tỷ phải đặt dấu chấm (.) ; khi còn ghi chữ số sau chữ số hàng đơn vị thì sau chữ số hàng đơn vị phải đặt dấu phẩy (,).

### 3. Một số trường hợp hóa đơn không nhất thiết có đầy đủ các nội dung bắt buộc:

a) Đối với một số ngành nghề dịch vụ đặc thù như: ngân hàng, điện, nước, viễn thông... hóa đơn không nhất thiết phải có ...

b) Đối với doanh nghiệp sử dụng hóa đơn với số lượng lớn, chấp hành tốt pháp luật thuế, căn cứ đặc điểm hoạt động kinh doanh, phương thức tổ

chức bán hàng, cách thức lập hóa đơn của doanh nghiệp và trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp, Cục thuế xem xét và có văn bản hướng dẫn hóa đơn không nhất thiết phải có tiêu thức ...

- Các trường hợp khác theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

## Điều 7. Hóa đơn được khởi tạo từ máy tính tiền kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế

### 1. Nguyên tắc

- a) Nhận biết được hóa đơn in từ máy tính tiền kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế;
- b) Không bắt buộc có chữ ký số;
- c) Không phải trả phí dịch vụ hóa đơn điện tử;
- d) Khoản chi mua hàng hóa, dịch vụ sử dụng hóa đơn (hoặc sao chụp hóa đơn hoặc tra cứu thông tin từ Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế về hóa đơn) được khởi tạo từ máy tính tiền được xác định là khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp khi xác định nghĩa vụ thuế.

### 2. Nội dung hóa đơn được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu với cơ quan thuế

Tổ chức, doanh nghiệp sử dụng máy tính tiền khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ để in và xuất hóa đơn cho khách hàng thì hóa đơn in trực tiếp từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu với cơ quan thuế phải có các chỉ tiêu và đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Tên, địa chỉ, mã số thuế của cơ sở kinh doanh (người bán);
- Tên cửa hàng, quầy hàng thuộc cơ sở kinh doanh (trường hợp có nhiều cửa hàng, quầy hàng);
- Tên hàng hóa, dịch vụ, đơn giá, số lượng, giá thanh toán. Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp khấu trừ phải ghi rõ giá bán chưa có thuế GTGT, thuế suất thuế GTGT, tiền thuế GTGT, tổng tiền thanh toán có thuế GTGT;
- Tên nhân viên thu ngân, số thứ tự của phiếu (là số nhảy liên tục), ngày, giờ in hóa đơn;
- Hóa đơn in từ máy tính tiền phải giao cho khách hàng;
- Dữ liệu hóa đơn in từ máy tính tiền phải được kết nối chuyển với cơ quan thuế theo định dạng chuẩn và hướng dẫn của Tổng cục Thuế.

## Điều 8. Thời điểm lập hóa đơn điện tử

1. Thời điểm lập hóa đơn điện tử đối với bán hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.
2. Thời điểm lập hóa đơn điện tử đối với cung cấp dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung cấp dịch vụ hoặc thời điểm lập hóa đơn cung cấp dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.
3. Trường hợp giao hàng nhiều lần hoặc bàn giao từng hạng mục, công đoạn dịch vụ thì mỗi lần giao hàng hoặc bàn giao đều phải lập hóa đơn cho khối lượng, giá trị hàng hóa, dịch vụ được giao tương ứng.
4. Thời điểm lập hóa đơn đối với hoạt động cung cấp điện sinh hoạt, nước sinh hoạt, dịch vụ viễn thông, dịch vụ truyền hình thực hiện chậm nhất không quá bảy (7) ngày kể tiếp kề từ ngày ghi chi số điện, nước tiêu thụ trên đồng hồ hoặc ngày kết thúc kỳ quy ước đối với việc cung cấp dịch vụ viễn thông, truyền hình. Kỳ quy ước để làm căn cứ tính lượng hàng hóa, dịch vụ cung cấp căn cứ thỏa thuận giữa đơn vị cung cấp dịch vụ viễn thông, truyền hình với người mua.
5. Thời điểm lập hóa đơn đối với xây dựng, lắp đặt là thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.
6. Trường hợp tổ chức kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, chuyển nhượng có thực hiện thu tiền theo tiến độ thực hiện dự án hoặc tiến độ thu tiền ghi trong hợp đồng thì thời điểm lập hóa đơn hóa đơn là ngày thu tiền.
7. Đối với trường hợp cung cấp dịch vụ ngân hàng, chứng khoán, thời điểm lập hóa đơn thực hiện định kỳ theo hợp đồng giữa hai bên kèm bảng kê hoặc chứng từ khác có xác nhận của hai bên, nhưng chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng phát sinh hoạt động mua bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ.
8. Trường hợp đặc thù khác theo hướng dẫn của Bộ Tài chính

#### **Điều 9. Định dạng hóa đơn điện tử**

**1. Dữ liệu hóa đơn điện tử được xây dựng trên cơ sở và phải thực hiện đúng quy định của Bộ mã Danh mục theo nhóm do Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế ban hành, đáp ứng được việc kết nối dữ liệu hóa đơn điện tử.**

#### **2. Định dạng dữ liệu hóa đơn điện tử**

**a) Sử dụng ngôn ngữ XML để định dạng dữ liệu điện tử, sử dụng bảng mã UTF-8 để biểu diễn các chữ cái trong bộ ký tự Unicode.**

b) Mỗi file XML có thể chứa một hoặc nhiều tệp hóa đơn.

#### **Điều 10. Hóa đơn điện tử hợp pháp, hóa đơn điện tử không hợp pháp**

1. Hóa đơn điện tử hợp pháp khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Hóa đơn điện tử đáp ứng quy định tại các Điều 4, 5, 6, 7 Thông tư này;

b) Hóa đơn điện tử bảo đảm tính toàn vẹn của thông tin trên chứng từ;

2. Hóa đơn điện tử không hợp pháp khi không thuộc trường hợp quy định tại khoản 9, khoản 10 Điều 3 Nghị định số....../2018/NĐ-CP ngày....../9/2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử.

#### **Điều 11. Chuyển đổi hóa đơn điện tử thành chứng từ giấy**

Việc chuyển đổi hóa đơn điện tử thành chứng từ giấy thực hiện theo quy định tại Điều.... Nghị định số....../2018/NĐ-CP ngày....../9/2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử và quy định của pháp luật kế toán.

#### **Điều 12. Bảo quản, lưu trữ, tiêu hủy hóa đơn điện tử**

Việc bảo quản, lưu trữ, tiêu hủy hóa đơn điện tử thực hiện theo quy định tại Điều.... Nghị định số....../2018/NĐ-CP ngày....../9/2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử.

#### **Điều 13. Áp dụng hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ**

1. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, không phân biệt giá trị từng lần bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

2. Doanh nghiệp kinh doanh ở các lĩnh vực: điện lực; xăng dầu; bưu chính viễn thông; vận tải hàng không, đường bộ, đường sắt, đường biển, đường thủy; nước sạch; tài chính tín dụng; bảo hiểm; y tế; kinh doanh thương mại điện tử; kinh doanh siêu thị; thương mại và các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đã hoặc sẽ thực hiện giao dịch với cơ quan thuế bằng phương tiện điện tử, xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin, có hệ thống phần mềm kế toán, phần mềm lập hóa đơn điện tử đáp ứng lập, tra cứu hoá đơn điện tử, lưu trữ dữ liệu hóa đơn điện tử theo quy định và đảm bảo việc truyền dữ liệu hóa đơn điện tử đến người mua và đến cơ quan thuế thì được sử dụng hoá đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế (trừ trường hợp nêu tại khoản 3 Điều này và

trường hợp đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế) khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, không phân biệt giá trị từng lần bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

3. Định kỳ cơ quan thuế lập Danh sách doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác thuộc trường hợp rủi ro cao về thuế (tiêu thức rủi ro theo hướng dẫn của Tổng cục Trưởng Tổng cục Thuế) để thông báo doanh nghiệp, tổ chức chuyên sang áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, không phân biệt giá trị từng lần bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

4. Hộ, cá nhân kinh doanh thực hiện sổ sách kế toán, sử dụng thường xuyên từ 10 lao động trở lên và có doanh thu năm trước liền kề từ ba (03) tỷ đồng trở lên trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp, xây dựng hoặc có doanh thu năm trước liền kề từ 10 (mười) tỷ đồng trở lên trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ phải sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, không phân biệt giá trị từng lần bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Hộ, cá nhân kinh doanh không thuộc diện bắt buộc nhưng có thực hiện sổ sách kế toán, có yêu cầu thì cũng được áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo quy định.

5. Hộ, cá nhân kinh doanh trong lĩnh vực nhà hàng, khách sạn, bán lẻ thuộc tân dược, bán lẻ hàng tiêu dùng, cung cấp dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng tại một số địa bàn có điều kiện thuận lợi thì triển khai thí điểm hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế từ năm 2018. Trên cơ sở kết quả triển khai thí điểm sẽ triển khai trên toàn quốc.

6. Hộ, cá nhân kinh doanh không đáp ứng điều kiện phải sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế tại khoản 4 Điều này nhưng cần có hóa đơn để giao cho khách hàng hoặc trường hợp doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác được cơ quan thuế chấp nhận cấp hóa đơn điện tử để giao cho khách hàng thì được cơ quan thuế cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh và phải khai, nộp thuế trước khi cơ quan thuế cấp hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh.

**Cơ quan thuế cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh như sau:**

- Đối với tổ chức: Cơ quan thuế quản lý địa bàn nơi tổ chức đăng ký mã số thuế hoặc nơi tổ chức đóng trú sở hoặc nơi được ghi trong quyết định thành lập.

- Đối với hộ và cá nhân không kinh doanh: Cơ quan thuế quản lý địa bàn nơi cấp mã số thuế hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trên sổ hộ khẩu hoặc giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) con hiệu lực hoặc nơi cư trú

**do hộ, cá nhân tự kê khai (không cần có xác nhận của chính quyền nơi cư trú).**

Tổ chức, hộ, cá nhân có nhu cầu sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh truy cập vào Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để lập và gửi Đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư này. Căn cứ đơn đề nghị cấp hóa đơn lẻ và các chứng từ mua bán kèm theo, cơ quan thuế có trách nhiệm hướng dẫn người nộp thuế xác định số thuế phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế. Riêng trường hợp được cấp hóa đơn giá trị gia tăng lẻ thì số thuế giá trị gia tăng phải nộp là số thuế giá trị gia tăng ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng cấp lẻ.

**Người đề nghị cấp hóa đơn phải nộp thuế đầy đủ theo quy định trước khi nhận hóa đơn lẻ. Sau khi có chứng từ nộp thuế của người đề nghị cấp hóa đơn, cơ quan thuế cấp mã hóa đơn và chuyển hóa đơn cho người nộp thuế.**

#### **Điều 14. Cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử**

Việc cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử thực hiện theo quy định tại Điều... Nghị định số....../2018/NĐ-CP ngày....../9/2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử.

## **Chương II QUẢN LÝ, SỬ DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ**

### **Mục 1 QUẢN LÝ, SỬ DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ CÓ MÃ CỦA CƠ QUAN THUẾ**

#### **Điều 15. Đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế**

1. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác hộ, cá nhân kinh doanh thuộc trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế sử dụng tài khoản giao dịch thuế điện tử để truy cập vào Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế.

**Nội dung thông tin đăng ký theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.**

2. Sau khi nhận đủ hồ sơ đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử bằng phương thức điện tử, cơ quan thuế (qua Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế) có trách nhiệm gửi Thông báo theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo

Thông tư này cho doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế qua Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế trong thời gian 1 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh.

3. Kể từ thời điểm sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh phải thực hiện hủy những hóa đơn giấy còn tồn chưa sử dụng (nếu có) theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27 tháng 2 năm 2015 của Bộ Tài chính.

4. Trường hợp có thay đổi thông tin đã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử tại khoản 1 Điều này, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh thực hiện thay đổi thông tin và gửi lại cơ quan thuế theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Cơ quan thuế tiến hành rà soát doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ, cá nhân kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế không thu tiền và gửi thông báo theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư này nếu thuộc đối tượng chuyển sang sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định này.

Trong thời gian 5 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan thuế về việc chuyển sang sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ, cá nhân kinh doanh thực hiện ký hợp đồng với tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử để sử dụng hóa đơn điện tử có mã thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ.

#### **Điều 16. Ngừng sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế**

1. Cơ quan thuế ngưng cấp mã hóa đơn điện tử đối với:

a) Các trường hợp nêu tại điểm a, b, c, d Khoản 1 Điều 15 Nghị định số ..../2018/NĐ-CP ngày ..../9/2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử.

b) Các trường hợp sau:

2. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh nêu tại khoản 1 Điều này được tiếp tục sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế sau khi thông báo với cơ quan thuế về việc tiếp tục kinh doanh, hoặc được cơ quan thuế khôi phục mã số thuế, được bãi bỏ quyết định cưỡng chế nợ thuế.

3. Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh tạm ngừng kinh doanh cần có hóa đơn điện tử giao cho người mua để thực hiện các hợp đồng đã ký trước ngày cơ quan thuế có thông báo tạm ngừng kinh doanh có văn bản thông báo với cơ quan thuế được tiếp tục sử dụng hóa đơn điện tử và thực hiện nộp thuế như trường hợp được cấp lẻ hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế.

#### **Điều 17. Lập, cấp mã và gửi hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế**

##### **1. Lập hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế**

a) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng nêu tại khoản 1 Điều 13 Thông tư này nếu truy cập Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để lập hóa đơn thì sử dụng tài khoản đã được cấp khi đăng ký để thực hiện:

- Lập hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

Người bán phải lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ, bao gồm cả các trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ, tiêu dùng nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất).

- Ký số, ký điện tử trên các hóa đơn đã lập và gửi hóa đơn để cơ quan thuế cấp mã.

b) Trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh truy cập vào trang thông tin điện tử của tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử hoặc sử dụng phần mềm hóa đơn điện tử của đơn vị để thực hiện:

- Lập hóa đơn bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

- Ký số, ký điện tử trên các hóa đơn đã lập và gửi hóa đơn qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử để cơ quan thuế cấp mã.

## 2. Cấp mã hóa đơn

a) Hóa đơn được cơ quan thuế cấp mã phải đảm bảo:

- Đúng thông tin đăng ký theo quy định tại Điều ... Thông tư này.
- Đúng định dạng về hóa đơn điện tử theo quy định tại Điều ... Thông tư này.
- Đầy đủ nội dung về hóa đơn điện tử theo quy định tại Điều ... Thông tư này.
- Không thuộc trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo quy định tại khoản 1 Điều ... Thông tư này.

b) Hệ thống cấp mã hóa đơn của Tổng cục Thuế tự động thực hiện cấp mã hóa đơn và gửi trả kết quả cấp mã hóa đơn cho người gửi.

3. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ có trách nhiệm gửi hóa đơn điện tử đã được cấp mã của cơ quan thuế cho người mua. Phương thức gửi và nhận hóa đơn được thực hiện theo thỏa thuận giữa người bán và người mua.

### **Điều 18. Xử lý hóa đơn có sai sót sau khi cấp mã**

1. Trường hợp người bán đã gửi hóa đơn điện tử để cơ quan thuế cấp mã nhưng chưa gửi cho người mua có phát hiện sai sót thì người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư này về việc hủy hóa đơn điện tử có mã đã lập có sai sót và lập hóa đơn hóa đơn điện tử mới, ký số, ký điện tử, gửi cơ quan thuế để cấp mã hóa đơn mới thay thế hóa đơn đã lập để gửi cho người mua.

2. Trường hợp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế đã gửi cho người mua có phát hiện sai sót thì người bán và người mua phải lập văn bản thỏa thuận ghi rõ sai sót hoặc thông báo về việc hóa đơn có sai sót (nếu sai sót thuộc trách nhiệm của người bán) và người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư này về việc hủy hóa đơn điện tử có mã đã lập có sai sót và lập hóa đơn hóa đơn điện tử mới, ký số, ký điện tử gửi cơ quan thuế để cấp mã hóa đơn mới thay thế hóa đơn đã lập để gửi cho người mua.

**Hóa đơn điện tử mới thay thế hóa đơn điện tử đã lập phải có dòng chữ  
“Thay thế cho hóa đơn số... ngày... tháng... năm”**

**Nguyên tắc hủy hóa đơn điện tử đã lập là làm cho hóa đơn đó không có giá trị sử dụng nhưng vẫn được lưu trữ để phục vụ tra cứu. Thông tin hóa đơn đã xóa bỏ được cơ quan thuế đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng cục thuế.**

**Người bán, người mua thực hiện khai thuế căn cứ hóa đơn điện tử mới thay thế hóa đơn điện tử đã lập.**

3. Trường hợp cơ quan thuế phát hiện sai sót hóa đơn đã được cấp mã thì cơ quan thuế thông báo cho người bán theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư này để người bán kiểm tra sai sót. Trong thời gian 2 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan thuế, người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư này về việc hủy hóa đơn điện tử có mã đã lập có sai sót và lập hóa đơn điện tử mới, ký số, ký điện tử gửi cơ quan thuế để cấp mã hóa đơn điện tử mới thay thế hóa đơn điện tử đã lập để gửi cho người mua.

#### **Điều 19. Trách nhiệm của người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế**

Người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế có thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 18 Nghị định số ..../2018/NĐ-CP ngày... tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử.

#### **Điều 20. Xử lý sự cố**

1. Trường hợp người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế nhưng gặp sự cố dẫn đến không sử dụng được hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thì thông báo với cơ quan thuế để hỗ trợ xử lý sự cố. Trong thời gian xử lý sự cố người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ có yêu cầu sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thì đến cơ quan thuế để sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế.

#### **2. Quy trình xử lý sự cố trong trường hợp do lỗi hệ thống cấp mã của cơ quan thuế**

**Bộ phận phụ trách hóa đơn điện tử của Tổng cục Thuế có trách nhiệm:**

- a) Tiếp nhận thông tin về sự cố phát sinh;
- b) Đánh giá xác định mức độ, phạm vi ảnh hưởng của sự cố đến hoạt động của hệ thống công nghệ thông tin. Tùy theo mức độ, phạm vi ảnh hưởng của sự cố phải báo cáo đến các cấp quản lý tương ứng để chỉ đạo xử lý;
- c) Thực hiện các biện pháp xử lý, khắc phục sự cố;
- d) Ghi nhận hồ sơ và báo cáo kết quả xử lý sự cố;
- e) Quy định trách nhiệm của cá nhân, tập thể trong việc báo cáo, tiếp nhận, xử lý các sự cố về công nghệ thông tin;
- f) Xây dựng các mẫu biểu để ghi nhận, lưu trữ hồ sơ xử lý sự cố.

### **3. Kiểm soát và khắc phục sự cố**

- a) Các sự cố mất an toàn hệ thống công nghệ thông tin phải được lập tức báo cáo đến những người có thẩm quyền và những người có liên quan để có biện pháp khắc phục trong thời gian sớm nhất.
- b) Đánh giá xác định nguyên nhân và thực hiện các biện pháp phòng ngừa tránh sự cố tái diễn.
- c) Quá trình xử lý sự cố phải được ghi chép và lưu trữ tại đơn vị. Thực hiện biện pháp bảo vệ, chống chỉnh sửa, hủy hoại đối với tài liệu về sự cố được lưu trữ.
- d) Thu thập, ghi chép, bảo toàn bằng chứng, chứng cứ phục vụ cho việc kiểm tra, xử lý, khắc phục và phòng ngừa sự cố. Trong trường hợp sự cố về công nghệ thông tin có liên quan đến các vi phạm pháp luật, đơn vị có trách nhiệm thu thập và cung cấp chứng cứ cho cơ quan có thẩm quyền đúng theo quy định của pháp luật.

4. Tổng cục Thuế, các tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử được Tổng cục Thuế ký hợp đồng thực hiện xây dựng hệ thống dự phòng đảm bảo việc cung cấp mã hóa đơn được liên tục, thường xuyên (24/7) đáp ứng các yêu cầu sau:

- a) Địa điểm lắp đặt phải cách hệ thống chính tối thiểu 10 km tính theo đường thẳng nối giữa hai hệ thống;
- b) Từng hệ thống dự phòng phải đảm bảo khả năng thay thế hệ thống chính trong thời gian tối đa bốn giờ đồng hồ tính từ thời điểm hệ thống chính có sự cố không khắc phục được.

### **5. Kế hoạch xây dựng hệ thống dự phòng:**

- a) Tổng cục Thuế phải hoàn thành trong thời gian sáu tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực;
- b) Đối với các tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử phải hoàn thành trong thời gian mười hai tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

## **Mục 2 QUẢN LÝ, SỬ DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ KHÔNG CÓ MÃ CỦA CƠ QUAN THUẾ**

### **Điều 21. Đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế**

1. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế thuộc trường hợp sử dụng hóa đơn

điện tử không có mã của cơ quan thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số.../2018/NĐ-CP ngày.../9/2018 của Chính phủ sử dụng tài khoản giao dịch thuế điện tử để truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế.

Nội dung thông tin đăng ký, thay đổi thông tin đã đăng ký theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Cơ quan thuế có trách nhiệm gửi Thông báo theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế.

3. Kể từ thời điểm sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế phải thực hiện hủy những hóa đơn giấy còn tồn chưa sử dụng (nếu có).

4. Trường hợp cơ quan thuế không chấp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử không có mã thì doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế.

5. Cơ quan thuế tiến hành rà soát doanh nghiệp, tổ chức kinh tế sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế và thông báo theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư này nếu thuộc đối tượng chuyển sang sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế.

Trong thời gian 5 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan thuế về việc chuyên sang sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế thực hiện đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo quy định tại Điều... Thông tư này

## Điều 22. Lập và gửi hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế

1. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế được sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ sau khi nhận được thông báo chấp nhận của cơ quan thuế.

Người bán phải lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ, bao gồm cả các trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ, tiêu dùng nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất).

2. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế sử dụng phần mềm lập hóa đơn điện tử để lập hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, ký số trên hóa đơn điện tử và gửi cho người mua bằng phương thức điện tử theo thỏa thuận giữa người bán và người mua.

**Điều 23. Ngừng sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế**

1. Người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ là doanh nghiệp, tổ chức kinh tế thuộc trường hợp nêu tại khoản 1 Điều 14 Thông tư này không lập hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế để giao cho người mua.

2. Người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ là doanh nghiệp, tổ chức kinh tế thuộc các trường hợp nêu tại khoản 2, khoản 3 Điều 14 Nghị định này được tiếp tục sử dụng hóa đơn điện tử sau khi thông báo với cơ quan thuế.

**Điều 24. Trách nhiệm của người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế**

Người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 23 Nghị định số.../2018/NĐ-CP ngày..../9/2018 của Chính phủ.

**Điều 25. Phương thức chuyển và tiếp nhận dữ liệu hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế**

**1. Phương thức chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử gồm:**

**a) Phương thức 1: Kết nối bằng web service;**

**b) Phương thức 2: Đóng bộ dữ liệu điện tử từ phần mềm máy trạm;**

**c) Phương thức 3: Nhập dữ liệu trực tiếp;**

**d) Phương thức 4: Truyền file FTP (File Transfer Protocol).**

Người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế và tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử (dịch vụ chuyển, nhận dữ liệu hóa đơn) được quyền lựa chọn một trong các phương thức chuyển dữ liệu điện tử nêu trên để chuyển, và tiếp nhận dữ liệu với nhau và với cơ quan thuế nhưng phải bảo đảm tính chính xác của dữ liệu và có cùng kết quả của dữ liệu đầu ra.

**2. Trình tự gửi dữ liệu điện tử và phản hồi việc tiếp nhận dữ liệu điện tử**

**a) Người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế thực hiện gửi dữ liệu hóa đơn điện tử tới cơ quan thuế thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử;**

**a) Thời điểm gửi dữ liệu điện tử:**

**Định kỳ (hàng tuần), tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử (dịch vụ chuyển, nhận dữ liệu hóa đơn) gửi dữ liệu hóa đơn điện tử lên Công tiếp nhận dữ liệu Hệ thống hóa đơn điện tử (thuộc Tổng cục Thuế).**

**b) Phản hồi việc tiếp nhận dữ liệu điện tử**

Ngay khi nhận được thông tin dữ liệu hóa đơn điện tử do tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử gửi đến, Công tiếp nhận dữ liệu Hệ thống hóa đơn điện tử (thuộc Tổng cục Thuế) phải có thông báo để tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử biết việc đã tiếp nhận được dữ liệu điện tử đó.

Trường hợp dữ liệu hóa đơn điện tử bị cảnh báo hoặc bị từ chối không tiếp nhận thì Công tiếp nhận dữ liệu Hệ thống hóa đơn điện tử (thuộc Tổng cục Thuế) phải thông báo chi tiết lỗi cảnh báo hoặc lỗi bị từ chối không tiếp nhận theo từng trường thông tin tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử hoàn thiện gửi lại.

**3. Trường hợp gửi dữ liệu điện tử chậm so với thời gian quy định**

Dữ liệu hóa đơn điện tử được phép gửi chậm so với quy định tại Thông tư này trong các trường hợp sau đây:

a) Do sự cố khách quan, bất khả kháng gây ra mà hệ thống hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin không đáp ứng được việc trích chuyển hoặc tiếp nhận dữ liệu điện tử.

Khi có sự cố khách quan, bất khả kháng nêu trên xảy ra từ phía tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử hoặc từ phía cơ quan tiếp nhận dữ liệu hóa đơn điện tử thì bên xảy ra sự cố có trách nhiệm thông báo ngay cho phía bên kia biết nguyên nhân gây ra sự cố. Việc thông báo được thực hiện bằng điện thoại hoặc thư điện tử (e-mail) hoặc bằng văn bản. Dữ liệu điện tử tiếp tục được gửi, nhận ngay sau khi sự cố đã được sửa chữa, khắc phục.

b) Hệ thống hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin không đáp ứng được việc trích chuyển hoặc tiếp nhận dữ liệu điện tử do không có điện, không có đường truyền Internet. Trường hợp do các nguyên nhân này thì việc sử dụng hình thức, thời gian gửi dữ liệu điện tử do thủ trưởng cơ quan tiếp nhận dữ liệu hóa đơn điện tử quyết định và phải báo cáo với cơ quan quản lý trực tiếp.

**4. Bảo mật và quản lý dữ liệu hóa đơn điện tử**

a) Việc gửi, truyền, tiếp nhận, phản hồi, trao đổi và quản lý dữ liệu điện tử quy định tại Thông tư này phải được bảo mật và quản lý theo các quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng, khám bệnh, chữa bệnh và các quy định khác của pháp luật.

b) Ngoài việc thực hiện quy định tại điểm a khoản này, các cơ quan, chức, cá nhân tham gia việc gửi, truyền, tiếp nhận, phản hồi, trao đổi và quản lý dữ liệu điện tử có trách nhiệm:

Bảo đảm an toàn, bảo mật, chính xác, toàn vẹn của dữ liệu điện tử và sử dụng dữ liệu điện tử trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình; phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện các biện pháp kỹ thuật cần thiết để bảo đảm tính xác thực của dữ liệu, tính bảo mật, an toàn của hệ thống;

- Tuân thủ các quy định của pháp luật và thủ tục về bảo đảm tính riêng tư của thông tin y tế trên môi trường mạng.

#### **Điều 26. Xử lý đối với hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế đã lập**

1. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đã lập hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế và gửi cho người mua có sai sót (do người bán hoặc người mua phát hiện) thì người bán và người mua phải lập văn bản thỏa thuận ghi rõ sai sót, đồng thời người bán thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư này về việc hủy hóa đơn điện tử đã lập có sai sót và lập hóa đơn điện tử mới thay thế hóa đơn đã lập có sai sót gửi cho người mua, cơ quan thuế.

2. Trường hợp sau khi nhận dữ liệu hóa đơn, cơ quan thuế phát hiện hóa đơn điện tử đã lập có sai sót thì cơ quan thuế thông báo cho người bán theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư này để người bán kiểm tra sai sót. Trong thời hạn 2 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan thuế, người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư này về việc hủy hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế và lập hóa đơn điện tử mới thay thế hóa đơn đã lập để gửi cho người mua, cơ quan thuế.

Hóa đơn điện tử mới thay thế hóa đơn điện tử đã lập phải có dòng chữ “Thay thế cho hóa đơn số...ngày... tháng .. năm”

Nguyên tắc hủy hóa đơn điện tử đã lập là làm cho hóa đơn đó không có giá trị sử dụng nhưng vẫn được lưu trữ để phục vụ tra cứu. Thông tin hóa đơn đã xóa bỏ được cơ quan thuế đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng cục thuế.

Người bán, người mua thực hiện khai thuế căn cứ hóa đơn điện tử mới thay thế hóa đơn điện tử đã lập.

### **Chương III XÂY DỰNG, QUẢN LÝ SỬ DỤNG CƠ SỞ DỮ LIỆU HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ**

## Mục 1

### XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

#### **Điều 27. Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu hóa đơn điện tử**

Việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu hóa đơn điện tử phải tuân theo các nguyên tắc sau đây:

1. Bảo đảm tính chính xác, trung thực, khoa học, khách quan và kế thừa;
2. Tập hợp, quản lý được đầy đủ các nguồn thông tin, dữ liệu hóa đơn điện tử của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ và cá nhân kinh doanh;
3. Lưu trữ, bảo quản đáp ứng yêu cầu sử dụng lâu dài, thuận tiện;
4. Tổ chức có hệ thống phục vụ thuận tiện khai thác và sử dụng, phát huy hiệu quả;
5. Phục vụ kịp thời công tác quản lý thuế, công tác quản lý rủi ro, công tác kiểm tra, thanh tra;
6. Sử dụng đúng mục đích và tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, sở hữu trí tuệ;
7. Việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu hóa đơn điện tử phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 28. Xây dựng cơ sở dữ liệu về hóa đơn điện tử**

1. Tổng cục Thuế có trách nhiệm tổ chức xây dựng, quản lý và phát triển cơ sở dữ liệu, hạ tầng kỹ thuật của hệ thống thông tin về hóa đơn; tổ chức thực hiện nhiệm vụ thu thập, xử lý thông tin, quản lý cơ sở dữ liệu hóa đơn và bảo đảm duy trì, vận hành, bảo mật, đảm bảo an toàn, an ninh hệ thống thông tin về hóa đơn.
2. Cơ sở dữ liệu hóa đơn được xây dựng tập trung thống nhất từ Trung ương (Tổng cục Thuế) đến các địa phương (Cục thuế, chi Cục thuế).
3. Cơ sở dữ liệu hóa đơn cấp Chi cục được tập hợp từ cơ sở dữ liệu hóa đơn của tất cả người nộp thuế trên địa bàn xã, phường, thị trấn thuộc Chi cục thuế.
4. Cơ sở dữ liệu hóa đơn cấp Cục được tập hợp từ cơ sở dữ liệu hóa đơn của tất cả người nộp thuế trên địa bàn quận, huyện thuộc Cục thuế.

5. Việc xây dựng, quản lý, khai thác sử dụng, cập nhật cơ sở dữ liệu về hóa đơn phải đảm bảo tính chính xác, khoa học, khách quan, kịp thời.

6. Cơ sở dữ liệu hóa đơn điện tử được xây dựng và kết nối, chia sẻ trên môi trường điện tử phục vụ quản lý, khai thác, cung cấp, sử dụng thông tin, dữ liệu thuận tiện, hiệu quả.

7. Cơ sở dữ liệu phải đáp ứng khung cơ sở dữ liệu, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ thông tin và chuyên ngành.

#### **Điều 29. Nội dung cơ sở dữ liệu hóa đơn hóa đơn điện tử**

1. Cơ sở dữ liệu hóa đơn bao gồm các cơ sở dữ liệu thành phần sau:

a) Cơ sở dữ liệu về số lượng hóa đơn sử dụng theo từng loại hóa đơn;

b) Cơ sở dữ liệu về số lượng hóa đơn sử dụng theo từng hình thức hóa đơn;

c) Cơ sở dữ liệu về số lượng hóa đơn sử dụng theo người bán hàng hóa, dịch vụ;

d) Cơ sở dữ liệu về nội dung hóa đơn;

d) Cơ sở dữ liệu về số lượng hóa đơn mất, hỏng, hủy, xóa bỏ;

2. Các cơ sở dữ liệu thành phần của cơ sở dữ liệu hóa đơn điện tử phải được xây dựng đồng thời và được liên kết, tích hợp với nhau.

3. Nội dung, cấu trúc và kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu hóa đơn điện tử được thực hiện theo quy định kỹ thuật về cơ sở dữ liệu hóa đơn điện tử của Tổng cục Trưởng Tổng cục Thuế từng thời kỳ phù hợp với điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin của ngành thuế.

#### **Điều 30. Vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu hóa đơn điện tử**

Tổng cục Thuế có trách nhiệm:

1. Xây dựng các quy trình nghiệp vụ, kiểm soát để vận hành, duy trì cơ sở dữ liệu hóa đơn điện tử.

2. Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí bảo đảm thường xuyên, liên tục, định kỳ cập nhật nội dung cơ sở dữ liệu hóa đơn điện tử.

3. Xây dựng và thực hiện các giải pháp bảo đảm cao cơ sở dữ liệu có hiệu suất vận hành và sẵn sàng đáp ứng cao.

4. Xây dựng và thực hiện các giải pháp về sao lưu, dự phòng bảo đảm tính nguyên vẹn, an toàn của cơ sở dữ liệu. Trong trường hợp thông tin, dữ liệu hóa đơn điện tử bị hư hỏng, bị phá hủy do các hành vi trái phép phải có cơ chế bảo đảm phục hồi được thông tin, dữ liệu.

### **Điều 31. Bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin**

1. Tổng cục Thuế chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin, có các biện pháp tổ chức, quản lý vận hành, nghiệp vụ và kỹ thuật nhằm bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu, an toàn máy tính và an ninh mạng.
2. Cơ sở dữ liệu hóa đơn điện tử phải được phân loại theo cấp độ an toàn hệ thống thông tin, đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.
3. Đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin thuộc Tổng cục Thuế làm nhiệm vụ bảo đảm an toàn cơ sở dữ liệu, thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, quản lý rủi ro và các biện pháp phù hợp để bảo đảm an toàn thông tin.

### **Điều 32. Nguyên tắc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu hóa đơn điện tử**

Việc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu hóa đơn điện tử giữa Tổng cục Thuế với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng, tổ chức có chức năng thanh toán và giữa các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trên nguyên tắc:

1. Kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu hóa đơn điện tử theo quy định của Nghị định số.../2018/NĐ-CP ngày .../9/2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.
2. Bảo đảm việc tiếp cận thông tin, dữ liệu hóa đơn điện tử phục vụ kịp thời cho việc đánh giá, dự báo, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch, tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý t huế và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.
3. Bảo đảm việc trao đổi, cung cấp thông tin, dữ liệu được thông suốt, kịp thời, đáp ứng các yêu cầu về an toàn, an ninh thông tin.

### **Điều 33. Trách nhiệm chia sẻ, kết nối thông tin, dữ liệu**

1. Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế sản xuất, kinh doanh ở các lĩnh vực: điện lực; xăng dầu; bưu chính viễn thông; vận tải hàng không, đường bộ, đường sắt, đường biển, đường thủy; nước sạch; tài chính tín dụng; bảo hiểm; y tế; kinh doanh thương mại điện tử; kinh doanh siêu thị; thương mại thực hiện hóa đơn điện tử và cung cấp dữ liệu hóa đơn điện tử theo quy định tại Điều... Thông tư này.
2. Các tổ chức tín dụng, ngân hàng thương mại, tổ chức có chức năng

thanh toán định kỳ cung cấp dữ liệu điện tử về giao dịch thanh toán qua tài khoản của các tổ chức, cá nhân cho cơ quan thuế theo định dạng dữ liệu chuẩn theo hướng dẫn của Tổng cục Thuế.

3. Các tổ chức, đơn vị: Cục quản lý thị trường, Tổng cục quản lý đất đai, Tổng cục quản lý tài nguyên khoáng sản, cơ quan công an, giao thông, y tế và các cơ quan khác có liên quan kết nối chia sẻ thông tin, dữ liệu liên quan cần thiết trong lĩnh vực quản lý của đơn vị với Tổng cục Thuế để xây dựng cơ sở dữ liệu hóa đơn điện tử.

#### **Điều 34. Quy định về dán tem, tem điện tử sản phẩm thuốc lá**

1. Sản phẩm thuốc lá nhập khẩu và sản xuất tiêu thụ trong nước phải được dán tem theo quy định tại Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ.

2. Sản phẩm thuốc lá phải được đóng vào thành bao, gói hoặc hộp. Mỗi bao, gói, hộp được dán một (01) con tem. Trường hợp bao, gói, hộp có sử dụng màng bóng kính bọc bên ngoài thì tem phải được dán vào bao, gói, hộp trước khi được đóng màng bóng kính phủ bên ngoài. Tem được dán tại vị trí đảm bảo nguyên tắc khi mở bao, hộp, gói tem sẽ rách.

#### **Điều 35. Nguyên tắc quản lý tem, tem điện tử sản phẩm thuốc lá**

##### **Phương án 1:**

1. Tổng cục Thuế có trách nhiệm tổ chức in và cấp phát tem cho Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để Cục Thuế bán cho doanh nghiệp nhập khẩu và cho các doanh nghiệp được phép sản xuất thuốc lá để tổ chức dán tem thuốc lá theo quy định.

Các doanh nghiệp nhập khẩu căn cứ vào số lượng bao, gói, hộp thuốc lá điều nhập khẩu, xì gà nhập khẩu theo hợp đồng ký với nước ngoài, các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá được dán tem thuốc lá căn cứ vào kế hoạch sản xuất hàng năm để đăng ký số lượng tem cần sử dụng năm sau trước ngày 15/11 hàng năm với Cục Thuế nơi đăng ký nhận tem, Cục Thuế tổng hợp nhu cầu sử dụng tem của các đơn vị trên địa bàn, báo cáo Tổng cục Thuế trước ngày 01/12 để có kế hoạch in ấn, phát hành tem đầy đủ, kịp thời. Các doanh nghiệp không đăng ký kế hoạch sử dụng tem thuốc lá coi như không có nhu cầu sử dụng tem.

Đơn vị sử dụng tem thuốc lá phải thực hiện mở sổ sách theo dõi sổ tem nhãn, sổ tem dán, sổ tem hú hỏng, mất mát, sổ con lai. Tiền thu được từ việc bán tem bảo đảm bù đắp chi phí gồm đặt in và phí phát hành tem theo quy định.

## **Phương án 2:**

Các doanh nghiệp nhập khẩu căn cứ vào số lượng bao, gói, hộp thuốc lá điều nhập khẩu, xì gà nhập khẩu theo hợp đồng ký với nước ngoài, các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá căn cứ vào kế hoạch sản xuất hàng năm để đặt in tem với Công ty TNHH MTV In Tài chính.

Đơn vị sử dụng tem thuốc lá phải thực hiện mờ số sách theo dõi số tem nhận, số tem dán, số tem hư hỏng, mất mát, số còn lại. Tiền thu được từ việc bán tem bảo đảm bù đắp chi phí gồm đặt in và phí phát hành tem theo quy định.

### **Điều 36. Kết nối thông tin về in và sử dụng tem, tem điện tử sản phẩm thuốc lá**

Định kỳ hàng tháng, đơn vị sử dụng tem, tem điện tử và Công ty TNHH MTV in tài chính thực hiện kết nối thông tin về in và sử dụng tem, tem điện tử với cơ quan quản lý thuế theo định dạng chuẩn dữ liệu theo hướng dẫn của Tổng cục Thuế. Thông tin về in, sử dụng tem điện tử là cơ sở để lập, quản lý và xây dựng cơ sở dữ liệu hóa đơn điện tử.

### **Điều 37. Xử lý tem, tem điện tử sản phẩm thuốc lá của các doanh nghiệp ngừng sản xuất, giải thể, phá sản; chia tách, sáp nhập**

Doanh nghiệp sử dụng tem, tem điện tử khi ngừng sản xuất, giải thể, phá sản phải thực hiện quyết toán tem, tem điện tử và thực hiện hủy số tem, tem điện tử còn lại không có nhu cầu sử dụng trong vòng năm (05) ngay làm việc kể từ thông báo ngừng sản xuất hoặc ngày Quyết định giải thể, phá sản.

Trường hợp doanh nghiệp sáp nhập: Cơ quan Thuế thực hiện chuyển số tem, tem điện tử còn tồn tại doanh nghiệp sáp nhập sang tên, mã số thuế của doanh nghiệp sau sáp nhập.

Trường hợp doanh nghiệp chia tách: Cơ quan Thuế thực hiện chuyển số tem, tem điện tử còn tồn khi chia tách cho tên, mã số thuế doanh nghiệp sau chia tách theo đề nghị của doanh nghiệp chia tách.

Doanh nghiệp không được chuyển nhượng bán (trừ Cơ quan Thuế), vay, mượn và cho vay, cho mượn tem, tem điện tử.

### **Điều 38. Xử lý trong trường hợp mất, cháy, hư hỏng tem, tem điện tử sản phẩm thuốc lá**

Doanh nghiệp phát hiện mất, cháy tem, tem điện tử phải lập Báo cáo về việc mất, cháy tem, gửi đến Cơ quan Thuế quản lý trực tiếp (theo Mẫu số ban hành kèm theo Thông tư này) chậm nhất không quá năm (05) ngày làm

việc kê từ ngày phát hiện việc mất, cháy tem. Cơ quan Thuế quản lý trực tiếp có trách nhiệm đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo mất để ngăn chặn kịp thời việc lợi dụng tem bị mất.

Doanh nghiệp có tem, tem điện tử hờ hồng (rách, hỏng...), tem, tem điện tử không có nhu cầu sử dụng phải thực hiện hủy tem, tem điện tử. Thời hạn hủy chậm nhất là ba mươi (30) ngày kể từ ngày thông báo với Cơ quan Thuế. Tem, tem điện tử được xác định đã hủy xong khi không còn nguyên dạng của bất kỳ một tờ tem, tem điện tử nào hoặc không còn chữ trên tờ tem, tem điện tử để có thể lắp ghép, sao chụp hoặc khôi phục lại theo nguyên bản. Tổ chức, cá nhân tự hủy và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số tem, tem điện tử đã hủy.

#### Hồ sơ hủy tem bao gồm:

- Quyết định thành lập Hội đồng hủy tem, tem điện tử;
- Bản kiểm kê tem, tem điện tử cần hủy được ghi chi tiết các nội dung gồm: tên tem, ký hiệu mẫu tem, ký hiệu tem, số lượng tem hủy (từ số...đến số...hoặc kê chi tiết từng số tem nếu số tem cần hủy không liên tục);
- Biên bản hủy tem, tem điện tử;
- Thông báo kết quả hủy tem, tem điện tử (mẫu số ban hành kèm theo Thông tư này).

Hồ sơ hủy được lưu tại tổ chức, cá nhân thực hiện hủy tem. Riêng Thông báo kết quả hủy được lập thành 02 bản, một bản lưu, một bản gửi đến Cơ quan Thuế quản lý trực tiếp chậm nhất không quá năm (05) ngày làm việc kể từ ngày thực hiện hủy.

## **Mục 2 TRA CỨU, CUNG CẤP, SỬ DỤNG THÔNG TIN HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ**

### **Điều 39. Hình thức cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử**

1. Bên sử dụng thông tin truy cập Cổng thông tin điện tử để sử dụng thông tin hóa đơn điện tử dưới dạng văn bản điện tử.
2. Bên sử dụng thông tin thực hiện kết nối hệ thống thông tin với Cổng thông tin điện tử để sử dụng thông tin hóa đơn điện tử dưới dạng dữ liệu điện tử.

Bên sử dụng thông tin chủ động nâng cấp, xây dựng, triển khai hệ thống thông tin tiếp nhận và sử dụng thông tin hóa đơn điện tử đáp ứng các yêu cầu sau:

- a) Áp dụng chữ ký số có hiệu lực theo quy định của pháp luật;
- b) Thực hiện việc mã hóa đường truyền;
- c) Đảm bảo an toàn thông tin theo quy định của pháp luật;
- d) Tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật do Tổng cục Thuế công bố, gồm: chỉ tiêu thông tin, định dạng dữ liệu, phương thức kết nối, tần suất trao đổi thông tin.

3. Cơ quan kiểm tra sử dụng thông tin hóa đơn điện tử dưới dạng tin nhắn do Tổng cục Thuế cung cấp thông qua số điện thoại được công bố chính thức.

#### **Điều 40. Công bố danh mục thông tin hóa đơn điện tử**

1. Nội dung thông tin hóa đơn điện tử được cung cấp trên Cổng thông tin điện tử là các nội dung của hóa đơn điện tử quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số /2018/NĐ-CP ngày /9/2018 của Chính phủ.

2. Ngoài nội dung thông tin quy định tại khoản 1 Điều này, căn cứ danh sách nội dung thông tin của hóa đơn điện tử theo quy định hiện hành, bên sử dụng thông tin đề nghị Tổng cục Thuế bổ sung các nội dung thông tin cần cung cấp để phù hợp với yêu cầu quản lý của từng cơ quan.

3. Thông tin hóa đơn điện tử cung cấp dưới dạng văn bản điện tử và dữ liệu điện tử được ký bằng chữ ký số của Tổng cục Thuế.

#### **Điều 41. Khai thác, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử trên Cổng thông tin điện tử**

1. Bên sử dụng thông tin là các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ, cá nhân kinh doanh là người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; các tổ chức, cá nhân là người mua hàng hóa, dịch vụ truy cập vào Cổng thông tin điện tử để tra cứu thông tin hóa đơn điện tử theo các nội dung thông tin hóa đơn điện tử quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy chế này.

2. Bên sử dụng thông tin là các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức tín dụng, tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử phải đăng ký và được cấp quyền truy cập, kết nối, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử Tổng cục Thuế như sau:

- a) Bên sử dụng thông tin có trách nhiệm phân công đầu mối đăng ký sử dụng thông tin hóa đơn điện tử (sau đây gọi tắt là đầu mối đăng ký) và thông báo cho Tổng cục Thuế bằng văn bản.

b) Việc gửi văn bản từ đầu mối đăng ký của bên sử dụng thông tin đến Tổng cục Thuế và ngược lại để phục vụ quá trình đăng ký sử dụng thông tin hóa đơn điện tử được thực hiện bằng một trong hai hình thức sau:

- Gửi văn bản giấy trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến trụ sở làm việc của Tổng cục Thuế;

- Gửi văn bản điện tử sử dụng chữ ký số có hiệu lực theo quy định của pháp luật đến địa chỉ thư điện tử do Tổng cục Thuế công bố hoặc thông qua dịch vụ trực tuyến do Tổng cục Thuế cung cấp.

#### **Điều 42. Thủ tục đăng ký, bổ sung, chấm dứt sử dụng thông tin hóa đơn điện tử**

1. Thủ tục đăng ký mới, bổ sung nội dung cung cấp thông tin hóa đơn điện tử:

a) Đầu mối đăng ký của bên sử dụng thông tin gửi 01 bản chính văn bản đến Tổng cục Thuế theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quy chế này để đề nghị đăng ký mới hoặc bổ sung nội dung cung cấp thông tin hóa đơn điện tử;

b) Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị, Tổng cục Thuế thực hiện việc đăng ký mới hoặc bổ sung nội dung cung cấp thông tin hóa đơn điện tử và thông báo kết quả cho đầu mối đăng ký của bên sử dụng thông tin bằng văn bản. Trường hợp có các nội dung thông tin không được chấp nhận đăng ký mới hoặc bổ sung thì phải nêu rõ lý do.

2. Thủ tục đăng ký mới, bổ sung thời hạn sử dụng, thu hồi tài khoản truy cập Công thông tin điện tử để sử dụng thông tin hóa đơn điện tử (sau đây gọi tắt là tài khoản):

a) Đầu mối đăng ký của bên sử dụng thông tin gửi 01 bản chính văn bản đến Tổng cục Thuế theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quy chế này để đề nghị đăng ký mới hoặc bổ sung thời hạn sử dụng hoặc thu hồi tài khoản;

b) Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị, Tổng cục Thuế thực hiện việc cấp tài khoản mới hoặc bổ sung thời hạn sử dụng của tài khoản hoặc thu hồi tài khoản và thông báo cho bên sử dụng thông tin bằng văn bản. Trường hợp không chấp nhận đăng ký tài khoản hoặc không bổ sung thời hạn sử dụng của tài khoản phải nêu rõ lý do.

Các tài khoản đăng ký mới cấp cho từng cá nhân được thông báo bằng hình thức gửi thư điện tử hoặc gửi tin nhắn từ các địa chỉ, số điện thoại do Tổng cục Thuế công bố chính thức.

c) Thời hạn sử dụng tài khoản truy cập Công thông tin điện tử đối với cả trường hợp đăng ký mới và bổ sung thời hạn sử dụng là 24 tháng hoặc do bên sử dụng thông tin đề nghị nhưng không quá 24 tháng tính từ ngày Tổng

cục Thuế gửi văn bản thông báo kết quả đăng ký mới hoặc bổ sung thời hạn sử dụng cho đầu mối đăng ký của bên sử dụng thông tin.

Trước thời điểm hết thời hạn sử dụng 30 ngày, Tổng cục Thuế có trách nhiệm thông báo cho cho đầu mối đăng ký của bên sử dụng thông tin bằng văn bản về việc chuẩn bị hết thời hạn sử dụng. Việc thông báo được thực hiện dưới hình thức thư điện tử hoặc tin nhắn từ các địa chỉ, số điện thoại do Tổng cục Thuế công bố chính thức.

3. Thủ tục đăng ký mới, bổ sung thời hạn sử dụng, thu hồi hiệu lực sử dụng hình thức nhắn tin của số điện thoại di động:

a) Đầu mối đăng ký của cơ quan kiểm tra gửi 01 bản chính văn bản đến Tổng cục Thuế theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Quy chế này để đề nghị đăng ký mới hoặc bổ sung thời hạn sử dụng hoặc thu hồi hiệu lực sử dụng hình thức nhắn tin của số điện thoại di động;

b) Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị, Tổng cục Thuế thực hiện việc đăng ký mới hoặc bổ sung thời hạn sử dụng hoặc thu hồi hiệu lực sử dụng hình thức nhắn tin của số điện thoại di động và thông báo kết quả cho đầu mối đăng ký của cơ quan kiểm tra bằng văn bản. Trường hợp không chấp nhận đăng ký sử dụng hoặc bổ sung thời hạn sử dụng phải nêu rõ lý do.

c) Thời hạn sử dụng hình thức nhắn tin của số điện thoại di đổi với cả trường hợp đăng ký mới và bổ sung thời hạn sử dụng là 24 tháng hoặc do bên sử dụng thông tin đề nghị nhưng không quá 24 tháng tính từ ngày Tổng cục Thuế gửi văn bản thông báo kết quả đăng ký mới hoặc bổ sung thời hạn sử dụng cho đầu mối đăng ký của bên sử dụng thông tin.

Trước thời điểm hết thời hạn sử dụng 30 ngày, Tổng cục Thuế có trách nhiệm thông báo cho cho đầu mối đăng ký của bên sử dụng thông tin bằng văn bản về việc chuẩn bị hết thời hạn sử dụng. Việc thông báo được thực hiện dưới hình thức thư điện tử hoặc tin nhắn từ các địa chỉ, số điện thoại do Tổng cục Thuế công bố chính thức.

4. Thủ tục đăng ký kết nối, dừng kết nối hệ thống của bên sử dụng thông tin với Công thông tin điện tử để sử dụng thông tin hóa đơn điện tử :

a) Đầu mối đăng ký của bên sử dụng thông tin gửi 01 bản chính văn bản đến Tổng cục Thuế theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Quy chế này để đề nghị kết nối hoặc dừng kết nối với Công thông tin điện tử;

b) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị, Tổng cục Thuế thông báo cho đầu mối đăng ký của bên sử dụng thông tin bằng văn bản về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đề nghị của bên sử dụng thông tin, trường hợp không chấp nhận đề nghị phải nêu rõ lý do;

c) Đối với trường hợp chấp nhận kết nối hệ thống: Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo, Tổng cục Thuế cử đoàn khảo sát đến địa điểm, cơ sở vật chất triển khai hệ thống thông tin của bên sử dụng thông tin để kiểm tra việc đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Quy chế này.

- Trường hợp biên bản kết luận của đoàn khảo sát xác nhận hệ thống thông tin của bên sử dụng thông tin đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Quy chế này thì trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, Tổng cục Thuế thông báo bằng văn bản với bên sử dụng thông tin về việc đủ điều kiện kết nối và phối hợp tiến hành kết nối các hệ thống để cung cấp thông tin hóa đơn điện tử;

- Trường hợp biên bản kết luận của đoàn khảo sát xác nhận hệ thống thông tin của bên sử dụng thông tin không đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Quy chế này thì trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, Tổng cục Thuế thông báo bằng văn bản với bên sử dụng thông tin về việc không đủ điều kiện kết nối với Cổng thông tin điện tử.

d) Đối với trường hợp chấp nhận dừng kết nối hệ thống: Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo, Tổng cục Thuế phối hợp với bên sử dụng thông tin tiến hành dừng kết nối các hệ thống.

#### **Điều 43. Chấm dứt sử dụng các hình thức cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử**

1. Tổng cục Thuế thực hiện việc thu hồi tài khoản truy cập Cổng thông tin điện tử hoặc thu hồi hiệu lực sử dụng hình thức nhắn tin của số điện thoại di động trong các trường hợp sau:

- Khi có đề nghị từ đầu mối đăng ký của bên sử dụng thông tin;
- Thời hạn sử dụng đã hết;
- Tài khoản truy cập Cổng thông tin điện tử hoặc số điện thoại di động không thực hiện việc tra cứu thông tin trong thời gian 06 tháng;
- Phát hiện trường hợp sử dụng thông tin hóa đơn điện tử không đúng mục đích, phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ của bên sử dụng thông tin, không đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Tổng cục Thuế thực hiện việc dừng kết nối hệ thống của bên sử dụng thông tin với Cổng thông tin điện tử trong các trường hợp sau:

- Khi có đề nghị từ đầu mối đăng ký của bên sử dụng thông tin;
- Phát hiện trường hợp sử dụng thông tin hóa đơn điện tử không đúng mục đích, phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ của bên sử dụng thông tin, không đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

3. Chậm nhất là 05 ngày làm việc trước thời điểm chính thức chấm dứt sử dụng các hình thức cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử của bên sử dụng thông tin (trừ trường hợp đầu mối đăng ký của bên sử dụng thông tin có đề nghị bằng văn bản), Tổng cục Thuế thông báo bằng văn bản cho đầu mối đăng ký của bên sử dụng thông tin về việc chấm dứt sử dụng các hình thức cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử, nêu rõ lý do của việc chấm dứt sử dụng.

#### **Điều 44. Thời hạn cung cấp thông tin hóa đơn điện tử**

Trong thời gian không quá 01 phút kể từ khi nhận được yêu cầu, Cổng thông tin điện tử phản hồi cho bên sử dụng thông tin các nội dung sau:

1. Thông tin hóa đơn điện tử; hoặc
2. Thông báo lý do trong trường hợp hệ thống gặp sự cố hoặc không có thông tin hóa đơn điện tử.

#### **Điều 45. Trách nhiệm của Tổng cục Thuế**

1. Xây dựng, triển khai, quản lý vận hành Cổng thông tin điện tử, cụ thể:

a) Bảo đảm cho tổ chức, cá nhân truy cập thuận tiện; có công cụ tìm kiếm thông tin, dữ liệu dễ sử dụng và cho kết quả đúng nội dung cần tìm kiếm;

b) Bảo đảm khuôn dạng thông tin, dữ liệu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định để dễ dàng tải xuống, hiển thị nhanh chóng và in ấn bằng các phương tiện điện tử phổ biến.

c) Đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục, ổn định, đảm bảo an toàn thông tin;

d) Chủ trì thực hiện việc hướng dẫn sử dụng, hỗ trợ vận hành hệ thống.

2. Quản lý việc đăng ký sử dụng thông tin hóa đơn điện tử của bên sử dụng thông tin.

3. Triển khai, công bố địa chỉ thư điện tử và số điện thoại phục vụ việc cung cấp thông tin hóa đơn điện tử.

4. Xây dựng, công bố các yêu cầu kỹ thuật để kết nối với Cổng thông tin hóa đơn điện tử.

5. Trường hợp tạm ngừng cung cấp thông tin hóa đơn điện tử, Tổng cục Thuế thực hiện thông báo với các bên sử dụng thông tin. Nội dung thông báo phải nêu rõ khoảng thời gian dự kiến phục hồi các hoạt động cung cấp thông tin,

#### **Điều 46. Trách nhiệm của bên sử dụng thông tin**

1. Sử dụng thông tin hóa đơn điện tử đúng mục đích, phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ của bên sử dụng thông tin, đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.
2. Trang bị đầy đủ phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật để bảo đảm thực hiện việc tra cứu, kết nối, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử.
3. Thực hiện đăng ký để được cấp quyền truy cập, khai thác, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử.
4. Quản lý, bảo mật thông tin tài khoản truy cập Công thông tin điện tử, số điện thoại nhận tin nhắn tra cứu thông tin hóa đơn điện tử do Tổng cục Thuế cấp.
5. Đảm bảo việc xây dựng, triển khai, vận hành hệ thống tiếp nhận thông tin hóa đơn điện tử.

#### **Điều 47. Tra cứu thông tin hóa đơn điện tử phục vụ kiểm tra hàng hóa lưu thông trên thị trường**

Việc tra cứu thông tin hóa đơn điện tử phục vụ kiểm tra hàng hóa lưu thông trên thị trường thực hiện theo quy định tại Điều 29 Mục ... Chương ... Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ..../2018 của Chính phủ.

### **Chương IV TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ**

#### **Điều 48. Tiêu chuẩn tổ chức hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử**

1. Doanh nghiệp, tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin (bao gồm ngân hàng cung cấp dịch vụ giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng; tổ chức cung cấp dịch vụ về khai thuế điện tử) có hạ tầng công nghệ thông tin, phần mềm lập hóa đơn điện tử đáp ứng khoản 2 Điều này được ký hợp đồng cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế và dịch vụ truyền, nhận dữ liệu.

##### **2. Tiêu chuẩn lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử**

a) Về nhân sự: Số lượng nhân sự kỹ thuật đáp ứng được quy mô, yêu cầu của phương án kinh doanh (tối thiểu có 07 nhân sự). Nhân sự kỹ thuật có trình độ chuyên ngành công nghệ thông tin, có kinh nghiệm thực tiễn về quản trị mạng, bảo mật về hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử, quản trị cơ sở dữ liệu.

b) Về tài chính: Tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử có cam kết bảo lãnh tối thiểu 5.000.000.000 đồng của tổ chức tín dụng hoạt động hợp

pháp tại Việt Nam để giải quyết các rủi ro và bồi thường thiệt hại có thể xảy ra trong quá trình cung cấp dịch vụ.

c) Về kỹ thuật

- Yêu cầu về phần mềm:

+ Đáp ứng các nghiệp vụ về hóa đơn theo quy định;

+ Đáp ứng các yêu cầu về định dạng chuẩn dữ liệu và chuẩn kết nối do cơ quan thuế quy định và công bố công khai;

+ Toàn bộ các giao dịch giữa người nộp thuế và tổ chức cung cấp dịch vụ, tổ chức cung cấp dịch vụ với cơ quan thuế phải được lưu trữ dưới dạng có cấu trúc và cho phép tra cứu trên ứng dụng theo thời gian tương ứng với dữ liệu hóa đơn;

+ Toàn bộ các log truy cập, thao tác trên ứng dụng và trên cơ sở dữ liệu phải được lưu trữ dưới dạng có cấu trúc và có thể tra cứu trên ứng dụng theo thời gian tương ứng với dữ liệu hóa đơn;

- Yêu cầu về hạ tầng:

+ Có hệ thống UPS, hệ thống máy phát điện, hệ thống điều hòa tập trung đảm bảo hoạt động hệ thống 24/7;

+ Có hệ thống an toàn phòng cháy chữa cháy được nghiệm thu bởi cơ quan công an phòng cháy chữa cháy;

+ Có hệ thống chống sét theo tiêu chuẩn;

+ Có 02 đường truyền leased-line hoặc cáp quang trăng kết nối với Tổng cục Thuế của 02 nhà cung cấp khác nhau: đường truyền chính băng thông tối thiểu 10Mbps, đường truyền dự phòng tối thiểu 2Mbps;

+ Hệ thống (máy chủ, cơ sở dữ liệu, đường truyền, an ninh thông tin...) có độ sẵn sàng, dự phòng cao, đảm bảo cung cấp dịch vụ trực tuyến 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần, bao gồm cả ngày nghỉ (thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ, Tết). Thời gian dừng hệ thống để bảo trì không quá 2% tổng số giờ cung cấp dịch vụ.

- Yêu cầu về an ninh thông tin và sao lưu, phục hồi dữ liệu:

+ Hệ thống có khả năng phát hiện, cảnh báo và ngăn chặn các truy cập bất hợp pháp, các hình thức tấn công trên môi trường mạng để đảm bảo tính bảo mật, toàn vẹn của dữ liệu trao đổi giữa các bên tham gia;

+ Các máy chủ được cài đặt và cập nhật đầy đủ phần mềm diệt virus;

+ Có phương án kiểm soát việc truy nhập vào hệ thống và cơ sở dữ liệu hóa đơn điện tử;

- + Định kỳ hàng tháng toàn bộ hệ thống phải được đánh giá và xử lý các lỗ hổng về bảo mật;
- + Có phái pháp sao lưu trực tuyến dữ liệu (không làm gián đoạn việc cung cấp dịch vụ), đảm bảo dữ liệu hóa đơn được lưu trữ theo thời gian quy định của pháp luật;
- + Có giải pháp khôi phục dữ liệu; thời gian phục hồi dữ liệu tối đa 08 giờ kể từ thời điểm hệ thống gặp sự cố.
- Yêu cầu về hỗ trợ người sử dụng dịch vụ;
- + Bố trí nhận sự hỗ trợ 24/7;
- + Số điện thoại hỗ trợ được công bố rộng rãi;
- Vận hành hệ thống;
- + Bố trí nhân sự vận hành, giám sát hệ thống 24/7;
- + Nhật ký vận hành phải được lưu trữ tối thiểu 01 năm.

#### **Điều 49. Quy định ký hợp đồng, kết nối của tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử**

1. Tổng cục Thuế công khai các tiêu chuẩn kỹ thuật và các cam kết cần đáp ứng để hệ thống của tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử có thể kết nối, trao đổi thông tin với Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế. Trình tự kết nối được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trình tự kết nối giữa Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế và hệ thống trao đổi thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử
  - a) Tổ chức hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử, truyền, nhận dữ liệu, kết nối với Công thông tin của Tổng cục Thuế gửi văn bản giấy hoặc bản điện tử đề nghị ký hợp đồng cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử kèm theo các tài liệu, hồ sơ chứng minh hệ thống đáp ứng tiêu chuẩn và đề án cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử; đồng thời ký và gửi bản cam kết về việc kết nối và cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử đến Tổng cục Thuế.
  - b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin, Tổng cục Thuế thực hiện xác nhận các tiêu chuẩn cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử và có thông báo về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận, trường hợp không chấp thuận nêu rõ lý do.

c) Kể từ ngày Tổng cục Thuế thông báo về việc chấp nhận đề nghị kết nối của tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử thì thực hiện kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

d) Chậm nhất 10 ngày làm việc sau khi hệ thống trao đổi thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử kết nối thành công với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, Tổng cục Thuế công bố công khai danh sách tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

e) Trường hợp trong quá trình cung cấp dịch vụ, tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử có thay đổi, bổ sung thông tin liên quan đến hồ sơ đã cung cấp cho Tổng cục Thuế, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thay đổi, tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử phải trao đổi và thống nhất với Tổng cục Thuế bằng văn bản.

f) Trường hợp tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử tạm ngừng kinh doanh, dừng hệ thống để bảo trì thì phải thông báo bằng văn bản đến Tổng cục Thuế trước 30 ngày kể từ ngày tạm ngừng kinh doanh, dừng hệ thống để bảo trì để Tổng cục Thuế thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

3. Tổng cục Thuế được ngừng kết nối giữa Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế và hệ thống trao đổi thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử trong các trường hợp sau:

- Không đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật theo công khai của Tổng cục Thuế; hoặc vi phạm các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

- Bị giải thể; bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy phép thành lập hoặc giấy phép khác liên quan đến hoạt động của tổ chức; bị tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật.

Tổng cục Thuế có văn bản gửi cho tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử vi phạm được biết và ngừng kết nối với hệ thống trao đổi thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử; đồng thời công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục thuế về tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử vi phạm, đã ngừng cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử.

Người nộp thuế đang thực hiện giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử nêu trên thì đăng ký giao dịch qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử khác.

4. Tổ chức đã cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử theo quy định tại Thông tư này.

## **Điều 50. Quan hệ giữa tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử với người mua dịch vụ**

Quan hệ giữa tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử với người mua dịch vụ thực hiện theo quy định tại Điều 33 Nghị định số.../2018/NĐ-CP ngày.../9/2018 của Chính phủ.

## **Điều 51. Quan hệ giữa giữa tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử với cơ quan thuế**

Quan hệ giữa giữa tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử với cơ quan thuế thực hiện theo quy định tại Điều 34 Nghị định số.../2018/NĐ-CP ngày.../9/2018 của Chính phủ.

## **Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 52. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký.
2. Việc tổ chức thực hiện hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo quy định của Nghị định này thực hiện xong đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh chậm nhất là ngày 31 tháng 10 năm 2020.
3. Trong thời gian từ ngày Thông tư này có hiệu lực đến ngày 31 tháng 10 năm 2020, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27 tháng 2 năm 2015 của Bộ Tài chính ) và Thông tư số 37/2017/TT-BTC ngày 27/4/2017 của Bộ Tài chính vẫn có hiệu lực thi hành.
4. Kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2020, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27 tháng 2 năm 2015 của Bộ Tài chính ) và Thông tư số 37/2017/TT-BTC ngày 27/4/2017 của Bộ Tài chính hết hiệu lực thi hành.

### **Điều 53. Xử lý chuyển tiếp**

1. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đã thông báo phát hành hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế hoặc đã đăng ký áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì được

tiếp tục sử dụng hóa đơn điện tử đang sử dụng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành .

2. Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ, cá nhân kinh doanh đã thông báo phát hành hóa đơn đặt in, hóa đơn tự in, hoặc đã mua hóa đơn của cơ quan thuế để sử dụng trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục sử dụng hóa đơn đặt in, hóa đơn tự in, hóa đơn đã mua đến hết ngày 31 tháng 10 năm 2020 và thực hiện các thủ tục về hóa đơn theo quy định tại các Nghị định: số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27 tháng 2 năm 2015 của Bộ Tài chính ) và Thông tư số 37/2017/TT-BTC ngày 27/4/2017 của Bộ Tài chính

Trường thời gian từ ngày 01 tháng 11 năm 2018 đến ngày 31 tháng 10 năm 2020, trường hợp cơ quan thuế thông báo cơ sở kinh doanh chuyển đổi để áp dụng hóa đơn điện tử có mã nếu cơ sở kinh doanh chưa đáp ứng điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin mà tiếp tục sử dụng hóa đơn theo các hình thức nêu trên thì cơ sở kinh doanh thực hiện gửi dữ liệu hóa đơn đến cơ quan thuế theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư này cùng với thời gian nộp tờ khai thuế giá trị gia tăng. Cơ quan thuế xây dựng dữ liệu hóa đơn của các cơ sở kinh doanh để đưa vào cơ sở dữ liệu hóa đơn và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế phục vụ việc tra cứu dữ liệu hóa đơn.

3. Đối với cơ sở kinh doanh mới thành lập trong thời gian từ ngày 01 tháng 11 năm 2018 đến ngày 31 tháng 10 năm 2020, trường hợp cơ quan thuế thông báo cơ sở kinh doanh thực hiện áp dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Thông tư này này thì cơ sở kinh doanh thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan thuế. Trường hợp chưa đáp ứng điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin mà tiếp tục sử dụng hóa đơn theo quy định tại các Nghị định: số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27 tháng 2 năm 2015 của Bộ Tài chính ) và Thông tư số 37/2017/TT-BTC ngày 27/4/2017 của Bộ Tài chính thì thực hiện gửi dữ liệu hóa đơn đến cơ quan thuế theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư này cùng với thời gian nộp tờ khai thuế giá trị gia tăng.

4. Đối với tổ chức sự nghiệp công lập (cơ sở giáo dục công lập, cơ sở y tế công lập) đã sử dụng Phiếu thu tiền thì tiếp tục sử dụng Phiếu thu tiền đã sử

dụng và chuyển đổi sang áp dụng hóa đơn điện tử (hoặc Phiếu thu tiền điện tử) theo lộ trình của Bộ Tài chính.

#### **Điều 54. Trách nhiệm thi hành**

1. Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các cơ quan chức năng tổ chức thực hiện đúng theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính, phối hợp với Bộ Tài chính thực hiện triển khai việc kết nối thông tin từ máy tính tiền, phần mềm bán hàng để quản lý doanh thu bán lẻ của các hộ, cá nhân kinh doanh

2. Cơ quan thuế các cấp có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện theo nội dung Thông tư này.

3. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư này thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Văn phòng BCCI phòng chống tham nhũng Trung ương;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân, Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính; Website Tổng cục Thuế;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, TCT (VT, CS).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THÚ TRƯỞNG**

**Trần Xuân Hà**

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỜ KHAI**

**Đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử**

Tên người nộp thuế: .....

Mã số thuế: .....

Người liên hệ: .....

Địa chỉ liên hệ: .....

Địa chỉ thư điện tử: .....

Điện thoại liên hệ: .....

Theo Nghị định số ...../2018/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2018 của Chính phủ, chúng tôi/tôi thuộc đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử. Chúng tôi/tôi đăng ký/thay đổi thông tin đã đăng ký với cơ quan thuế về việc sử dụng hóa đơn điện tử như sau:

- Đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử từ ngày... tháng ... năm.... (đối với trường hợp đăng ký mới)

- Áp dụng hóa đơn điện tử:

Có mã của cơ quan thuế

Không có mã của cơ quan thuế

- Đăng ký giao dịch qua:

Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế

Tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử

- Loại hóa đơn sử dụng:

Hóa đơn GTGT

Hóa đơn bán hàng

Hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền

Các loại hóa đơn khác

- Danh sách chứng thư số sử dụng:

STT	Tên tổ chức cơ quan chứng thực/cấp/công nhận chữ ký số, chữ ký điện tử	Số sê-ri chứng thư số	Thời hạn sử dụng chứng thư số		Hình thức đăng ký (Thêm mới, gia hạn, ngừng sử dụng)
			Từ ngày	Đến ngày	

- Các thông tin trên đề nghị thay đổi kể từ ngày ...../...../..... (đối với trường hợp thay đổi thông tin)

(Chỉ ghi những nội dung có thay đổi, bổ sung)

Chúng tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung nêu trên và thực hiện theo đúng quy định của

pháp luật./.

....., ngày.....tháng.....năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ** hoặc

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP  
THUẾ**

*<Chữ ký số, chữ ký điện tử của người nộp thuế>*

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN  
TÊN CƠ QUAN THUẾ RA  
THÔNG BÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**THÔNG BÁO**  
**Về việc chấp nhận/không chấp nhận sử dụng hóa đơn điện tử**

Kính gửi: (Họ tên người nộp thuế :....)  
(Mã số thuế của NNT:....)

Sau khi xem xét tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử ngày..../..../20..

Cơ quan thuế thông báo (chấp nhận/không chấp nhận) đề nghị sử dụng hóa đơn điện tử của đơn vị.

(Trong trường hợp chấp nhận cho phép người nộp thuế sử dụng hóa đơn điện tử thì ghi) Tài khoản đã được gửi đến hộp thư điện tử của người nộp thuế/diện thoại liên hệ, đề nghị người nộp thuế thực hiện khai báo các thông tin liên quan theo nội dung hướng dẫn của cơ quan thuế tại thư điện tử này.

(Trong trường hợp không chấp nhận cho phép doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử thì ghi) Cơ quan thuế không chấp nhận người nộp thuế sử dụng hóa đơn điện tử. Lý do: (Lý do không chấp nhận)

(Trong trường hợp ủy thác qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử thì cơ quan thuế thông báo người nộp thuế đăng ký giao dịch sử dụng hóa đơn điện tử miễn phí qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử (Tên, địa chỉ đăng ký)

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế biết, thực hiện./.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ  
RA THÔNG BÁO**

(Chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan thuế)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TỜ KHAI

## DỮ LIỆU HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN RA

[01] Kỳ tính thuế: tháng.....năm ..... hoặc quý.....năm....

[02] Tên người nộp

thuế.....

[03] Mã số thuế:

三

[04] Tên đại lý thuê (nếu

co):.....

[05] Mã số thuế:

[REDACTED]

## Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

Tổng doanh thu hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT (\*):

Tổng số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra (\*\*):

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày ..... tháng ..... năm .....  
**NGƯỜI NỘP THUẾ** hoặc  
**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**  
*<Chữ ký số, chữ ký điện tử của người nộp thuế>*

**Ghi chú:**

(\*) Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT là tổng cộng số liệu tại cột 6 của dòng tổng của các chi tiêu 2, 3, 4.

(\*\*) Tổng số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra là tổng cộng số liệu tại cột 7 của dòng tổng của các chi tiêu 2, 3, 4.

Mẫu số 04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**THÔNG BÁO HỦY/GIẢI TRÌNH HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ**

Kính gửi: (Cơ quan thuế)

Tên người nộp thuế: .....

Mã số thuế:.....

Người nộp thuế thông báo về việc hủy/giải trình hóa đơn điện tử do sai sót như sau:

STT	Mẫu số	Ký hiệu hóa đơn điện tử	Số hóa đơn điện tử	Ngày lập hóa đơn điện tử	Loại áp dụng hóa đơn điện tử	Hủy/giải trình	Lý do
1	2	3	4	5	6	7	8

....., ngày.....tháng.....năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**  
**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP**  
**THUẾ**

(Chữ ký số, chữ ký điện tử của người nộp thuế)

Mẫu số 05

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN  
TÊN CƠ QUAN THUẾ RA  
THÔNG BÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-....

....., ngày..... tháng ..... năm .....

### THÔNG BÁO VỀ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ CẦN RÀ SOÁT

Tên người nộp thuế: .....

Mã số thuế: .....

Địa chỉ liên hệ: .....

Cơ quan thuế thông báo hóa đơn điện tử của đơn vị cần rà soát như sau:

STT	Mẫu số	Ký hiệu hóa đơn điện tử	Số hóa đơn điện tử	Ngày lập hóa đơn điện tử	Loại áp dụng hóa đơn điện tử	Lý do cần rà soát
1	2	3	4	5	6	7

Trong thời gian 02 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan thuế, đơn vị thực hiện thông báo với cơ quan thuế.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ  
RA THÔNG BÁO

(Chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan thuế)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐỀ NGHỊ CẤP HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ CÓ MÃ CỦA CƠ QUAN THUẾ**  
(Theo từng lần phát sinh)

Kính gửi: .....

**I. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP LỄ HÓA ĐƠN:**

1. Tên tổ chức, cá nhân:
2. Địa chỉ liên hệ: .....  
Địa chỉ thư điện tử: .....  
Điện thoại liên hệ: .....
3. Số Quyết định thành lập tổ chức(nếu có):  
Cấp ngày:..... Cơ quan cấp.....
4. Mã số thuế (nếu có):.....
5. Tên người nhận hóa đơn (Trường hợp là cá nhân thì tên người nhận hóa đơn là cá nhân đề nghị cấp hóa đơn):.....
6. Số CMND người đi nhận hóa đơn:.....
- Ngày cấp: ..... Nơi cấp:.....

**II. DOANH THU PHÁT SINH TỪ HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG HÓA, CUNG ỨNG DỊCH VỤ:**

- Tên hàng hoá, dịch vụ:.....
- Tên người mua hàng hoá, dịch vụ:.....
- Địa chỉ người mua hàng hoá, dịch vụ:.....
- Mã số thuế người mua hàng hoá, dịch vụ:.....
- Số, ngày hợp đồng mua bán hàng hoá, dịch vụ(nếu có):.....
- Doanh thu phát sinh:.....

**Chúng tôi xin cam kết:**

- Các kê khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu khai sai hoặc không đầy đủ thì cơ quan thuế có quyền từ chối cấp hóa đơn.
- Quản lý hóa đơn do cơ quan Thuế phát hành đúng quy định của Nhà nước. Nếu vi phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày.....tháng.....năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

*(Chữ ký số, chữ ký điện tử của người nộp thuế)*

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÊN CƠ QUAN THUẾ RA Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THÔNG BÁO

Số:...../TB-....

....., ngày.....tháng.....năm.....

### THÔNG BÁO

Về việc hết thời gian sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế qua công thông tin điện tử Tổng cục Thuế/quá ủy thác tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử; không thuộc trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế

Kính gửi : (Họ tên người nộp thuế)  
(Mã số thuế:.....)

Sau khi rà soát điều kiện thực hiện, Cơ quan thuế thông báo người nộp thuế kể từ ngày ....tháng.....năm201... (hết thời gian sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế qua công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/quá ủy thác tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử; không thuộc trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế). Đề nghị người nộp thuế sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử.

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế biết, thực hiện./.

### THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO

(Chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan thuế)